

Số: 55/2020/QĐST-HNGĐ

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 16 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Thiệu Thanh C1, sinh năm: 1982.

Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C1 và bà T tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào năm 2013. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ lúc mâu thuẫn cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên hai vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông C1 và bà T xác nhận có 02 con chung tên Thiệu Thanh C2, sinh ngày: 10-6-2013 và Thiệu Ngọc Mỹ C3, sinh ngày: 01-12-2015. Hai bên thỏa thuận, bà T trực tiếp nuôi con, ông C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C2 mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông C1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu C3 do bà T không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C1 và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông C1 và bà T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thiệu Thanh C1 và bà Bùi Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Thiệu Thanh C2, sinh ngày: 10-6-2013 và Thiệu Ngọc Mỹ C3, sinh ngày: 01-12-2015. Ông Thiệu Thanh C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thiệu Thanh C2 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ông Thiệu Thanh C1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu Thiệu Ngọc Mỹ C3 do bà Bùi Thị Thanh T không có yêu cầu.

Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Thiệu Thanh C1 và bà Bùi Thị Thanh T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông C1 và bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021809 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông C1 và bà T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND thị trấn K;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Dương Đăng Chương

